

BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng,
chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Tính đến 15h00' ngày 24/01/2022)

I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 24/01/2022, ghi nhận 2.141.422 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.804.849 điều trị khỏi, 277.391 đang điều trị, 36.722 tử vong (tăng 123 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.112.349 trường hợp (tăng 14.934 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 8.275 ca (tăng 297), trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 8.257 ca, tăng 297 ca, trong đó: 48 khu cách ly; 189 cộng đồng; 60 cách ly tại nhà, khu phong tỏa (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **18** trường hợp.

2.2. Tình hình điều trị: 2.727 bệnh nhân đang điều trị, trong đó có 05 trường hợp F0 đang được theo dõi, điều trị tại nhà (Vĩnh Yên) (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 5.541 bệnh nhân (tăng 322). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế: lũy tích **80.177** người.

- Số F1 đang cách ly: 5.797 người (cách ly tập trung: 307); lũy tích: 34.934 người (tăng 478).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 36.055 trường hợp (tăng 99) tại các tỉnh/thành phố: TPHCM (5.636), Hà Nội (14.282), Đồng Nai (450), Bình Dương (640), Phú Thọ (9.171) và các vùng có dịch khác (5.873). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 68.803 (dương tính: 595, âm tính: 68.197, chờ kết quả: 11).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.795 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.689 trường hợp.

4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):

4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày: 5.354 mẫu (49 Realtime - PCR; 5.305 Test nhanh).

4.2. Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.910.571 mẫu (8.275 dương tính; 71 nghi ngờ; 1.902.198 âm tính; 27 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 4.254 mẫu, lũy tích: 762.380 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 93.181 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.055.010 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 1.092 mẫu, lũy tích: 608.766 mẫu.

5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 778.406 người (đạt 98,5% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.789.779 mũi (Mũi 1: 778.406; Mũi 2: 767.716, đạt 97,2% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 243.657, đạt 30,8% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 4.014 người; lũy tích: 1.358.915 mũi, đạt 96,3%.

5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.850 người (đạt 94,8% dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 206.655 người (Mũi 1: 107.850 người; Mũi 2: 98.805 người, đạt 86,8% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 1.903 người

6. Khoanh vùng, cách ly xã hội: 0 địa điểm.

II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:

1.1. Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

1.2. Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

2. Các khu cách ly tập trung:

2.1. Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 28 cơ sở.

2.2. Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:

3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:

Trong ngày, có 04 người nước ngoài (Trung Quốc 02, Đức 02) đến khai báo tạm

trú trên địa bàn tỉnh với mục đích: thăm thân nhân 02, công tác 02. Hiện, toàn tỉnh có tổng số 3.017 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 08 cơ sở kinh doanh, lưu trú; chưa phát hiện vi phạm quy định phòng, chống dịch. Tham mưu ra quyết định xử phạt 01 trường hợp số tiền 1.000.000 đồng về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc)

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.091 trường hợp số tiền 8.633.750.000 đồng.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp ***cấp bách, tạm thời*** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

1. Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho ***từ 05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)*** và khuyến khích hàng ngày ***tạm thời*** thực hiện xét nghiệm sàng

lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ngăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của BCD Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, BCD phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

*** Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tác được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khi dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
	TỈNH VINH PHÚC	02113.858.858/ 0854325858
I	THÀNH PHỐ VINH YÊN	0858.513.365
II	THÀNH PHỐ PHÚC YÊN	02113.520.678/ 0911.221.718
III	HUYỆN LẬP THẠCH	02113 666 021/ 0332 441.633
IV	HUYỆN TAM ĐƯƠNG	02113.895.429/ 0857.310.978
V	HUYỆN TAM ĐẢO	02113.686.369/ 0877205138
VI	HUYỆN BÌNH XUYÊN	02113.503.688/ 0886.016.120
VII	HUYỆN YÊN LẠC	02113.836.002/ 0379.969.778
VIII	HUYỆN VINH TƯỜNG	02116.283.686/ 0982.623.466
IX	HUYỆN SÔNG LÔ	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất

người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngày; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngày trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Hữu Vinh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY
(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 24/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	Đ.T.HẢI	1978	Nữ	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
2	Q.T.HOÀN	1982	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	N.T.THÊM	1970	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
4	N.T.PHƯỢNG	1989	Nữ	Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	Đ.T. HƯƠNG	1990	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
6	Đ.T.HUỆ	1993	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	N.Đ.HIẾU	2013	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
8	V.T.UYÊN	1992	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
9	N.T.BÌNH	2010	Nam	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
10	Đ.M.KHÔI	2019	Nam	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	N.T.HIÊN	1987	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	N.Q.HÙNG	1984	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	T.T.THỦY	1993	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
14	N.K.THỦY	1987	Nữ	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
15	Đ.B.NGỌC	1987	Nữ	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
16	N.V.TÂM	1973	Nam	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
17	N.T.Á.VÂN	1989	Nữ	Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	H.T.HƯƠNG	1990	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
19	Đ.T.NGA	1997	Nữ	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	L.H.MINH	1976	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	L.V.QUÝ	1984	Nam	Trung Mỹ	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	N.X.CHIẾN	1996	Nam	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	N.B.HIẾU	2004	Nam	Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	L.B.SƠN	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
25	Đ.K.NGÂN	1988	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	L.T.HƯỜNG	1987	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	N.T.THÚY	1983	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	L.T.HƯƠNG	1983	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
29	L.V.QUÝ	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
30	H.T.THÚY	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
31	Đ.Đ.HOÀNG	2003	Nam	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	B.T.HUYỀN	1994	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
33	V.K.TRANG	1987	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
34	Đ.T.QUYÊN	1980	Nữ	Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	N.Q.THẮNG	2014	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	N.T.THU	1987	Nữ	Tiên Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
37	T.T.ĐẠT	1996	Nam	Quang Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	N.H.ĐĂNG	2009	Nam	Văn Quán	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
39	B.T.T.TÂM	1982	Nữ	Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
40	Đ.T.T.HÀ	1985	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	T.H.ANH	1987	Nam	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
42	N.T.HỒNG	1989	Nữ	Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
43	H.G.KHÁNH	2010	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
44	N.T.T.DUNG	1984	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
45	T.T.HƯƠNG	1971	Nữ	Tiên Lữ	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
46	N.V.LONG	1934	Nam	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
47	T.T.ÚNG	1937	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
48	N.T.SI	1938	Nữ	Sơn Đông	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	Đ.X.PHONG	1992	Nam	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	H.V.ĐĂNG	1990	Nam	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	N.T.HƯỜNG	1992	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
52	L.V.MẠNH	2013	Nam	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
53	T.P.THÙY	2013	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
54	T.T.DUNG	1983	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	T.N.VŨ	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
56	Đ.Q.VINH	2012	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
57	T.M.PHƯƠNG	2011	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	N.A.VIỆT	2012	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	N.B.H.YẾN	2011	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	B.T.ĐÀO	1985	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
61	T.V.QUÝ	1963	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
62	N.T.B.ANH	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
63	N.T.QUỲNH	2013	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
64	L.H.QUÂN	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
65	N.Đ.MẠNH	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
66	N.K.PHƯƠNG	2015	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
67	P.T.HIẾU	2012	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
68	N.T.PHƯƠNG	1971	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
69	N.H.PHÚ	1987	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
70	N.V.QUYẾT	2013	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
71	N.T.K.NGỌC	2012	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
72	N.T.TÍNH	1960	Nữ	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	N.A.TUẤN	2014	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	N.Q.TRUNG	1996	Nam	Hoa Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
75	T.V.PHẦN	1973	Nam	Xuân Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	N.T.HOA	1998	Nữ	Xuân Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	P.T.NGÂN	1990	Nữ	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	T.X.THỊNH	1994	Nam	Yên Thạch	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	N.T.CHINH	1995	Nữ	Đức Bác	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	T.N.HƯỚNG	1983	Nam	Bạch Lưu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	N.H.CHIẾN	2017	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
82	N.T.HOÀNG	1992	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
83	L.Q.VINH	2010	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
84	N.T.HẬU	1987	Nam	Tam Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	H.C.THÀNH	1986	Nữ	Bạch Lưu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	S.Đ.VINH	1993	Nam	Quang Yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	L.N.G.HUY	2015	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
88	N.Q.MINH	2013	Nam	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
89	N.T.PHƯỢNG	1974	Nữ	Hải Lựu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
90	H.M.KHÔI	2020	Nam	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
91	B.X.HƯNG	1989	Nam	Bạch Lưu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	L.G.HƯNG	2015	Nam	Tam Sơn	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
93	N.T.BÌNH	2000	Nữ	Đồng Thịnh	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	N.V.ANH	2003	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	N.G.KHÁNH	1995	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
96	P.T.SANG	1984	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
97	N.T.TÌNH	1989	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
98	N.V.DOANH	1994	Nam	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
99	P.T.LA	1987	Nữ	Đồng Tĩnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	Đ.T.THẢO	1976	Nữ	Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	P.M.KHÔI	2016	Nam	Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
102	K.T.HÀ	1982	Nữ	Hợp Hòa	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	L.V.EO	1993	Nam	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
104	T.T.VỊNH	1993	Nữ	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
105	N.D.TÀI	1984	Nam	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	N.HUY	1987	Nam	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
107	V.T.T.HÒA	2011	Nữ	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
108	V.N.THIỆN	2010	Nam	Duy Phiên	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
109	N.T.HOÀNG	1988	Nam	Đạo Tú	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
110	L.V.DUY	1992	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
111	V.B.VIỆT	1995	Nam	Hoàng Lâu	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
112	N.T.DUNG	1981	Nữ	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
113	T.T.T.VÂN	1992	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
114	T.T.THÁI	1999	Nam	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	T.T.HOA	1985	Nữ	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	L.T.H.THU	2011	Nữ	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
117	Đ.T.THOA	1988	Nữ	Yên Dương	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	D.M.CHIẾN	1996	Nam	Yên Dương	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
119	C.D.CƯỜNG	1985	Nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
120	L.T.D.THANH	1989	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
121	L.T.THANH	2007	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
122	L.V.QUANG	2003	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
123	T.V.LỰC	1994	Nam	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
124	D.T.YẾN	1996	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
125	H.P.G.BẢO	2015	Nam	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
126	Đ.T.MY	2020	Nữ	Bồ Lý	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
127	N.H.NAM	2015	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
128	L.V.NĂM	1936	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
129	T.T.LONG	1940	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
130	L.V.THỦY	1981	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
131	L.T.ANH	2006	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
132	L.T.THỨ	2008	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
133	Ô.V.TRỌNG	2002	nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	N.T.HUYỀN	1991	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	L.S.BĂNG	2010	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
136	T.T.HẠNH	2010	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
137	C.T.CHÍN	1986	nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
138	H.T.YẾN	2000	nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
139	L.T.K.TRANG	2011	Nữ	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
140	N.H.NĂNG	1977	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	N.V.GIANG	1982	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
142	H.T.HẰNG	1979	Nữ	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
143	P.T.VINH	1956	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
144	N.T.UYÊN	1976	Nữ	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
145	N.V.QUYẾT	1999	Nam	Yên Dương	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
146	N.V.PHONG	1991	Nam	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
147	T.V.ĐÔNG	1994	Nam	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
148	Đ.K.LY	2010	Nữ	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
149	N.H.THÁI	1997	Nam	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
150	N.V.HIỆP	1988	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng Đồng
151	V.M.HIỆU	1985	Nam	Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
152	P.T.PHƯƠNG	1986	Nữ	Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
153	P.V.TÙNG	1993	nam	Tam Đảo	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
154	D.V.CẢNH	2000	nam	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
155	L.T.CÀN	1996	Nữ	Vĩnh Sơn	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
156	L.V.TUYẾN	1988	Nam	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
157	T.V.ĐOÀN	1975	Nam	Bình Dương	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
158	N.A.TUẤN	1985	Nam	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
159	V.T.HIẾN	1992	Nữ	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
160	N.C.ANH	2021	Nữ	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
161	K.V.TUẤN	1985	Nam	Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
162	N.T.TUYẾN	1974	Nữ	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
163	N.T.THỦY	1981	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
164	N.X.TÙNG	1983	Nam	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
165	L.V.LUẬN	1997	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
166	L.M.HẢI	1997	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
167	Đ.V.THU	1996	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
168	N.H.LAN	2002	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
169	V.T.N.ÁNH	2014	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
170	N.V.CHỨC	1969	Nam	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
171	T.Đ.CẢNH	1987	Nam	Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
172	N.T.LIÊN	1961	Nữ	Tứ Trung	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
173	N.V.DŨNG	1994	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
174	N.V.HIỆU	1974	Nam	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
175	N.T.THẢO	1999	Nữ	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
176	K.T.DINH	1971	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
177	N.T.T.TRANG	2001	Nữ	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
178	L.T.N.QUỲNH	1986	Nữ	Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
179	P.V.DUY	1999	Nam	Vũ Di	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
180	T.V.THÔNG	1978	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
181	P.B.NAM	2019	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
182	Đ.T.T.LINH	2002	Nữ	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
183	P.Đ.KIẾN	1994	Nam	Vân Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
184	Đ.H.NÉM	1960	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
185	L.V.SỬ	1960	Nam	Tuân Chính	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
186	N.T.TUYẾT	1962	Nữ	Tuân Chính	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
187	T.V.HUỆ	1986	Nam	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
188	V.T.CHIẾN	1986	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
189	N.T.NHUNG	1984	Nữ	Kim Xá	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
190	N.V.CAO	2011	Nam	Vĩnh Ninh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
191	P.T.HỒNG	1998	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
192	N.V.GIÁNG	1991	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
193	N.T.ĐUỘC	1941	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
194	N.T.N.NGỌC	2012	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
195	T.T.THU	1989	Nữ	Hồng Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
196	N.T.THUY	1990	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
197	Đ.T.T.HUYỀN	2014	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
198	T.T.MẬN	1973	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
199	N.V.TUỔI	1969	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
200	P.Đ.TOÀN	1974	Nam	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	N.T.SANG	2005	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
202	N.V.HỮU	1985	Nam	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
203	N.T.HƯƠNG	1981	Nữ	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
204	N.T.T.ĐIỀN	1985	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
205	P.T.TÂM	1993	Nữ	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
206	N.Đ.DŨNG	2015	Nam	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
207	N.T.HIỀN	1993	Nữ	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
208	N.T.YẾN	2006	Nữ	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
209	L.V.HẢI	1990	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
210	T.V.DŨNG	1992	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
211	Đ.V.THIỆU	1991	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	P.T.TUÂN	1984	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
213	P.T.HẠNH	1953	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
214	N.T.THẨM	1968	Nữ	Văn Tiến	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
215	N.G.LINH	2016	Nam	Đông Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
216	P.Q.THÁI	1986	Nam	Yên Lạc	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
217	N.V.QUÂN	1998	Nam	Đông Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
218	Đ.T.H.TRANG	2011	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
219	T.T.MAI	2010	Nữ	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
220	T.M.THÀNH	2011	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
221	N.V.KIÊN	1990	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
222	N.V.HUY	1991	Nam	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
223	Đ.H.NAM	2011	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
224	H.T.THẢO	1997	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
225	Đ.Q.HÙNG	1980	Nam	Hồng Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
226	Đ.V.KÍNH	1964	Nam	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	Đ.V.LỘC	1985	Nam	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
228	N.T.THÁI	1992	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
229	P.T.LÊ	1981	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
230	D.V.THỦY	1991	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
231	L.T.NGÓ	1951	Nữ	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
232	N.T.TÁM	1979	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
233	B.V.SAO	1990	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
234	H.V.ĐIỆP	1987	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
235	V.V.BÓN	1999	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
236	N.T.NAM	1996	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
237	N.V.TUẤT	1993	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
238	Đ.T.TÂM	1952	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
239	N.T.LINH	1949	Nữ	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
240	D.X.PHÚC	1990	Nam	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
241	N.Q.LINH	1998	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
242	N.T.DUNG	1974	Nữ	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
243	N.T.GIANG	1987	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
244	N.T.LOAN	2002	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
245	N.T.ANH	1970	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
246	B.T.T.HẰNG	1988	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
247	P.T.GIANG	1985	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	N.K.HUYỀN	2016	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
249	Đ.X.THẮNG	2016	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
250	Đ.X.AN	1974	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
251	Đ.T.T.HIỀN	1997	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
252	T.T.NGA	1997	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
253	L.V.TÔN	1993	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
254	H.N.GIANG	1992	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
255	T.H.TẤN	1995	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
256	N.T.LIÊN	1999	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	H.T.T.HUYỀN	1982	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
258	P.T.NGA	1976	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
259	B.T.HIỀN	1978	Nữ	Thanh Trù	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
260	N.Đ.TOÀN	1987	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
261	N.Đ.TÀI	2014	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
262	B.T.VY	2013	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
263	S.T.HUỆ	1990	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
264	N.T.BẠN	1948	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
265	N.T.T.THÚY	1991	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	N.V.THỌ	1958	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
267	D.T.H.HẢI	1974	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	H.T.THANH	1977	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
269	P.T.HOÀ	1995	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	L.V.THƯỜNG	1973	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
271	L.Á.HÒA	1990	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
272	N.T.HẢI	1993	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
273	Đ.T.P.THẢO	1995	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
274	T.N.M.NHẬT	2014	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
275	N.T.M.PHƯƠNG G	1988	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
276	H.N.B.LINH	2013	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
277	H.T.THỌ	1969	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
278	N.T.THẢO	1987	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
279	N.K.H.GIANG	1984	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
280	T.T.VÂN	1998	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
281	V.T.T.HOÀI	1996	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
282	B.T.MINH	1963	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
283	Đ.T.THU	1984	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
284	B.T.TRÌNH	1970	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
285	P.V.QUÂN	1995	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
286	N.T.HƯƠNG	1967	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
287	N.T.DỊ	1984	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
288	H.V.LỢI	1970	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
289	L.V.CỬ	1960	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
290	L.T.MINH	1982	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
291	P.T.N.ÁNH	2017	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
292	P.T.NGA	1970	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
293	N.T.T.HÀ	2002	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
294	N.T.M.HẰNG	1986	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
295	B.T.TOÀN	1996	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
296	N.T.NHÀN	1997	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
297	T.T.MAI	1991	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

Phụ lục 2:
TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
(Kèm theo Bản tin ngày 24/01/2022 của Sở TT&TT)

STT	Cơ sở điều trị COVID-19	Cũ	Vào	Ra	Hiện có
1	BVDC số 1	111	4	15	100
2	BVDC số 2	106	3	4	105
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	47	0	2	45
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	628	30	95	563
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	17	16	0	33
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	99	8	6	101
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	0	0	0	0
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	185	6	17	174
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	0	0	0	0
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	65	4	0	69
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	60	3	1	62
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	115	12	0	127
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	52	0	0	52
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	125	5	0	130
15	Tam Đảo (Cơ sở 3)	42	13	0	55
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	56	8	0	64
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	61	5	0	66
18	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	110	7	22	95
19	Vĩnh Tường (Cơ sở 4)	89	6	0	95
20	Vĩnh Yên	350	32	8	374
21	Yên Lạc (Cơ sở 2)	109	5	19	95
22	Yên Lạc (Cơ sở 3)	176	11	0	187
23	Bệnh viện 74 Trưng vương	0	0	0	0
24	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	7	1	0	8
25	Điều trị tại nhà	2	3	0	5
26	Đang cách ly tạm thời tại các cơ sở cách ly y tế	140	297	315	122
Tổng số		2.752	479	504	2.727